TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 4 - 2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Mạnh và ông Nguyễn Đức Đông.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị May - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1962.

HKTT:Thôn BX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn V** - sinh năm 1965.

HKTT:Thôn BX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NQ, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) vào năm 1982 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục.

Sau ngày cưới vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận được hơn 30 năm. Trong quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V gia trưởng, rượu chè, nhưng rồi bà vẫn cố gắng khắc phục để duy trì cuộc sống chung và nuôi dạy các con. Tuy vậy, khoảng vài năm trở lại đây vợ chồng bà bất đồng quan điểm, cãi nhau, va chạm thường xuyên xảy ra hơn và không thể nói chuyện được với nhau. Cho đến năm 2018, mâu thuẫn vợ

chồng diễn ra trầm trọng, ông V nhiều lần chửi bới, xúc phạm, đánh đuổi bà, bà không thể chịu đựng được cuộc sống chung với ông V nên đã bỏ về nhà anh trai ở. Sau đó vì thương con bà lại quay về đoàn tụ để làm chỗ dựa cho các con, tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn do ông V không thay đổi tính nết, vẫn đánh đuổi bà. Từ tháng 7/2018 cho đến nay, bà đã bỏ về nhà anh trai cùng thôn sống và không quay lại chung sống cùng ông V nữa. Bà xác định không còn tình cảm với ông V, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông V có bốn con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, Nguyễn Thị V, sinh năm 1990, Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/10/2006. Hiện tại cháu H, cháu V, cháu L đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Văn T có nguyện vọng xin ở với bố và ông V xin được nuôi cháu T và không yêu cầu bà cấp dưỡng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết để ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài chung, nợ chung, công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn V là bị đơn trình bày: Ông và bà H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn như bà H trình bày.

Ông xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn bắt đầu từ khoảng năm 2014-2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc quyết định những vấn đề liên quan đến cuộc sống, tương lai của con cái, Bà H không nghe theo quan điểm của ông, bảo thủ giữ quan điểm không đúng, dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Cho đến khi hoàn cảnh của con cái gặp bất lợi, thì bà H không chịu trách nhiệm, quay ra đổ lỗi cho ông về khó khăn con cái đã gặp phải. Thêm vào đó, bà H không khéo léo trong ứng xử, làm ông ức chế. Ông thừa nhận có một số lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông có đánh bà H thì bà bỏ đi đến nhà anh trai ở, sau đó ông có đến xin lỗi để tìm bà H về đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, bà H không chấp nhận chung sống cùng ông và tiếp tục bỏ đi để ông nuôi con một mình. Khi bà H làm đơn xin ly hôn gửi UBND xã NQ hòa giải, ông đã đến tìm nhưng bà H không chấp nhận về và có lời nói không tôn trọng ông nên ông có tát bà H mấy cái. Ông đã cố gắng tìm nhiều biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, mong muốn bà H về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung và ông cũng đã hứa sẽ thay đổi bản thân để vợ chồng sống với nhau, dựa nhau lúc tuổi già và là chỗ dựa cho các con. Nếu bà H không chấp nhận quay lại mà kiên quyết xin ly hôn là quyền của bà, ông vẫn không đồng ý ly hôn vì thương các con.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có bốn con chung như bà H trình bày. Hiện nay ba con chung là Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị L đã trưởng thành nên không phải giải quyết việc nuôi dưỡng.

Đối với con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/10/2006 hiện đang ở cùng ông. Trường hợp bà H kiên quyết xin ly hôn thì nguyện vọng của ông xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông V không yêu cầu giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã NQ. UBND xã NQ xác định hiện nay UBND xã không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1987 trở về trước nên không cung cấp được bản sao đăng ký kết hôn cho Tòa án. Tại biên bản xác minh với ông Bùi Ngọc Bệ nguyên là phó công an xã NQ phụ trách hộ tịch hộ khẩu, thực hiện việc đăng ký kết hôn cung cấp vào khoảng cuối năm 1982, ông Bệ cho biết ông trực tiếp làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông V, bà H, có ghi sổ đăng ký kết hôn và cấp giấy công nhận kết hôn cho ông V, bà H.

Về tình trạng hôn nhân của ông V, bà H, UBND xã NQ cung cấp: Qua nắm bắt tại cơ sở thôn BX được biết vợ chồng ông V bà H sau khi kết hôn năm 1982 và đã tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hạnh phúc từ thời điểm đó được nhiều năm, có 04 con chung với nhau, hiện tại đã có 03 con trưởng thành. Từ năm 2015, vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng đến cuối năm 2018 thì mâu thuẫn căng thẳng, bà H đã làm đơn gửi các cấp chính quyền cơ sở thôn, xã. Địa phương cũng đã 02 lần tổ chức hòa giải nhưng không thành và bà đã đến ở nhờ nhà anh trai ở cùng thôn không về sống cùng ông V. Việc bà H xin ly hôn, UBND xã đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, tổ chức phiên tòa giải, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Xử cho bà H được ly hôn ông V.

- Về con chung: Xử giao ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/10/2006 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V đều thừa nhận việc đăng ký kết hôn tại UBND xã NQ, phù hợp với lời khai của ông Bùi Ngọc Bệ là cán bộ được giao thực hiện công tác đăng ký kết hôn vào thời điểm năm 1982 tại UBND xã

NQ, nên có đủ cơ sở kết luận việc ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã NQ vào năm 1982 nên giữa bà H và ông V có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng bà H, ông V có cuộc sống chung hòa thuận cho đến khoảng thời gian năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sự khác biệt về tính cách của đôi bên, khi ông V tính có phần gia trưởng, còn bà H lại thiếu tinh tế, khéo léo trong ứng xử gây ra ức chế cho ông V. Ông V cho rằng bà H dựa, nghe lời anh em bà H mà bảo thủ, không nghe theo ông khi quyết định các vấn đề của cuộc sống gia đình, tương lai của con cái, còn bà H lại cho rằng ông V là người phải chịu trách nhiệm về những khó khăn dẫn đến cho con cái trong cuộc sống. Điều đó cho thấy ông bà đã thiếu đi niềm tin vào nhau, có xu H đổ lỗi cho nhau mà không tìm được tiếng nói chung để khắc phục bất đồng trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí còn xô xát, phải đề nghị UBND xã hòa giải nhưng không thành và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Ông V tuy không đồng ý ly hôn, nhưng lý do ông không đồng ý ly hôn chỉ vì xuất phát từ việc con còn nhỏ, chứ về phương diện cuộc sống chung vợ chồng thì ông không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Cho đến nay bà H đã xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và kiên quyết đề nghị được ly hôn mặc dù đã được chính quyền cơ sở và Tòa án tiến hành hòa giải.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa bà H, ông V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

[2] Về con chung: Bà H, ông V có bốn con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, Nguyễn Thị V, sinh năm 1990, Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/10/2006. Hiện nay ba con chung là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị L đã trưởng thành nên không cần giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với con chung Nguyễn Văn T hiện đang ở cùng ông V chưa đủ 18 tuổi thì ông V có nguyện vọng được nuôi cháu T, bà H cũng nhất trí với yêu cầu của ông V về nuôi con. Xét thấy yêu cầu nuôi con của ông V cũng như ý kiến của bà H về việc nuôi con phù hợp với nguyện vọng được ở với bố của cháu T đã trình bày với Tòa án, nên cần giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng: Ông V tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn, bà H cũng không có ý kiến gì về việc tự nguyện cấp dưỡng cho cháu T, nên cần chấp nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H là nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

2- Về con chung: Giao cho Ông Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/10/2006 (hiện đang ở cùng ông V) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3-Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002829 ngày 08/01/2019. Bà H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã NQ, huyện Bình Giang;
  (*để ghi vào sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
ĐÃ ký

Nguyễn Văn Cường